**TÌM HIỂU VỀ CÁC CHỈ TIÊU PHẢN ÁNH VỀ LỢI TỨC ĐẦU TƯ**

**Đinh Thị Thu Hiền; Nguyễn Thị Quỳnh Giao**

**Tóm tắt:**

Thông thường khi doanh nghiệp sản xuất hoạt động thì mục tiêu hướng đến luôn là lợi nhuận, lợi nhuận được hình thành từ quá trình sản xuất sang quá trình tiêu thụ và quá trình quản lý chi phí. Ở mỗi quá trình việc đánh giá các nhân tố tác động đến chỉ tiêu lợi nhuận luôn là căn cứ dùng để đánh giá hiệu quả sử dụng từ nhân tố đó và là căn cứ dự báo thực hiện trong tương lai. Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời thể hiện doanh nghiệp đã sử dụng các nguồn lực có sẵn có hiệu quả như thế nào. Nhận xét chung khi tỷ suất này cao làm cho khả năng sinh lời này cao và nguợc lại. Bài viết đề cập đến các chỉ tiêu phản ánh chủ yếu trong các doanh nghiệp sản xuất.

***Từ khoá:*** *Khả năng sinh lời, chỉ tiêu, doanh nghiệp sản xuất…*

Khả năng sinh lời là một nội dung phân tích tài chính cơ bản thường được sử dụng trong các doanh nghiệp, hầu như các doanh nghiệp luôn coi đây là nội dung phân tích chủ yếu nhất từ doanh nghiệp sản xuất, thương mại, kinh doanh các dịch vụ khác, đến các doanh nghiệp có sự tham gia trên thị trường chứng khoán. Sức mạnh của khả năng sinh lời sẽ đánh giá việc quyết định đầu tư, mở rộng quy mô hay làm tăng nguồn vốn của một doanh nghiệp. Ngoài ra, dựa trên những chỉ tiêu liên quan đến khả năng sinh lời doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn cho hoạt động kinh doanh trong tương lai, bởi những chỉ tiêu này có thể là căn cứ nhằm dự báo tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó làm giảm thiểu rủi ro trong tương lai và có phương án kinh doanh phù hợp hơn.

Tuỳ thuộc vào từng lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp mà các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời không giống nhau. Mục đích của nội dung khả năng sinh lời có thể là xác định đánh giá hiệu quả kinh doanh, cũng có thể đánh giá sự đầu tư của một khoản vốn có sẵn nhằm đánh giá lợi tức có được, tăng thêm nguồn thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh sản xuất. Đối với doanh nghiệp sản xuất, các chỉ tiêu phản ánh này được sử dụng bao gồm:

Lợi tức đầu tư được hiểu là việc sử dụng vốn vào một tổ chức trong dài hạn hoặc ngắn hạn nhằm tăng khả năng sinh lời. Lợi tức đầu tư được xác định không có tỷ số cố định, phụ thuộc vào đặc điểm doanh nghiệp, số vốn của doanh nghiệp.. do đó có thể tính được các chỉ tiêu lợi tức từ vốn ngắn hạn, vốn dài hạn, vốn cổ đông.

Để xác định các tỷ số lợi tức, công thức được dựa trên công thức về hiệu quả, hiệu quả là tỷ số giữa đầu ra chia đầu vào. Do đó, tỷ số lợi tức cũng được xác định là tỷ số giữa đầu ra và đầu vào. Cần chú ý rằng, phải có sự nhất quán với khái niệm vốn sử dụng. Nếu vốn sử dụng là vốn cổ đông thì lợi tức được xác định là lợi tức dành cho cổ đông, vốn dìa hạn thì lợi tức dành cho dài hạn. Cần có sự phù hợp giữa đầu vào và đầu ra cho từng đối tượng.

***1.Tỷ số lợi tức trên vốn dài hạn***

Tỷ số lợi tức trên vốn dài hạn = (Lợi tức HĐKD/ Tổng số vốn dài hạn)\*100%

Tỷ số này phản ánh sự nhất quán khi vốn sử dụng căn cứ vào tổng số vốn dài hạn mà Dn sử dụng và lợi tức được đo lường trước khi khấu trừ mọi khoản tiền lãi hoặc cổ tức cho những người cung cấp vốn dài hạn. Có nghĩa là cứ 1 đồng vốn dài hạn được đầu tư vào doanh nghiệp tạo ra bao nhiêu đồng lợi tức. Tỷ số này càng cao chứng tỏ lợi tức đầu tư càng có hiệu quả. Tỷ số này có thể dùng để biểu thị hoạt động chung của doanh nghiệp vì phần tử bao gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ( hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính). Tuy nhiên, nhược điểm của tỷ số này là doanh nghiệp không thể đánh giá và nêu nguyên nhân một cách chính xác về các yếu tố tác động. Nếu theo phương pháp loại trừ, để xác định mức độ ảnh hưởng của nhân tố thì tỷ số này có 2 nhân tố tác động là lợi tức từ HDKD và số vốn dài hạn. 2 nhân tố này là 2 nhân tố được hình thành từ những quá trình nhỏ bên trong nên khi phân tích không thể xác định chính xác 2 yếu tố này. Do đó, cần sử dụng phương pháp Dupont để khai triển tỷ số tổng ở trên thành những chỉ tiêu nhỏ bên trong giúp đánh giá tốt hơn về tỷ số này. Bằng việc sử dụng nhân tố trung gian là doanh thu tách thành 2 chỉ tiêu nhỏ bên trong như sau:

***Tỷ số lợi tức trên vốn dài hạn = (Lợi tức từ HDKD/Doanh thu)\*(Doanh thu/Vốn dài hạn)\*100%***

1. *Lợi tức từ HDKD/Doanh thu*

Khả năng tạo ra doanh thu của doanh nghiệp là những chiến lược dài hạn, quyết định tạo ra lợi nhuận và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Song mục tiêu cuối cùng của nhà quản trị không dừng lại ở doanh thu mà là lợi nhuận. Có thể sử dụng lợi nhuận trước thuế hoặc sau thuế. Tuỳ theo mục tiêu phân tích, khi so sánh hiệu quả của các doanh nghiệp cùng ngành, cần sử dụng lợi nhuận kế toán trước thuế để loại bỏ yếu tố về chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Để nâng cao lợi nhuận cần duy trì tốc độ tang của doanh thu nhanh hơn tốc độ tăng của chi phí, khi đó mới bền vững. Lợi tức từ HDKD/ Doanh thu đo đường tỷ lệ của lợi tức chiếm trong doanh thu dành cho những người cung ứng vốn dài hạn. Đây có thể gọi là quá trình quản lý chi phí. Nếu tỷ số này càng cao thì tỷ số lợi tức càng lớn và ngược lại. Trong nhiều trường hợp, lợi tức từ HDKD chính là lợi nhuận gộp thì công thức về khả năng sinh lời doanh thu chính là tỷ lệ giữa lãi gộp và doanh thu thuần bán hàng cung cấp dịch vụ.

-Tỷ lệ lãi gộp: Tỷ lệ này chính là công thức thể hiện khả năng sinh lời của hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp là bán hàng và cung cấp dịch vụ. Không có doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập khác. Tỷ lệ này càng cao chứng tỏ hiệu quả kinh doanh càng lớn, quá trình quản lý kiểm soát chi phí càng có hiệu quả.

1. *Doanh thu/ Vốn dài hạn*

Chỉ sổ này còn gọi là tốc độ quay vốn hoặc 1 đồng vốn tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Tỷ số càng cao việc sử dụng tài sản càng tích cực

Như vậy, khi sử dụng tỷ số lợi tức nhà phân tích đánh giá được 2 quá trình trong hoạt động kinh doanh của Dn đó là quá trình tiêu thụ và quá trình quản lý chi phí. Đây cũng chính là 2 quá trình quan trọng nhất trong hoạt động của doanh nghiệp. Từ đó có những đánh giá cụ thể, đưa ra nguyên nhân tối ưu hơn cho hoạt động của doanh nghiệp.

**2. Tỷ lệ lợi tức trên vốn ngắn hạn**

Tỷ lệ lợi tức trên vốn ngắn hạn được hiểu là mối quan hệ giữa đầu ra là lợi nhuận và đầu vào là vốn ngắn hạn. Vốn ngắn hạn chính là các khoản ngắn hạn thuộc về tài sản. Khi nghiên cứu tỷ lỷ lệ này mục đích chính đó là những ảnh hưởng khi đầu tư vốn trong thời gian ngắn hạn giúp sinh lời về lợi nhuận nhiều hay ít. Nếu lợi tức càng cao chứng tỏ việc đầu tư có hiệu quả và ngược lại. Đối với vốn ngắn hạn thì đặc điểm là thời gian hoạt động ngắn, kéo dài trong thời gian 1 năm. Đây là những khoản vốn có khả năng hoán chuyển thành tiền cao, do vậy khi đầu tư sẽ giúp doanh nghiệp thu về những lợi ích. Lợi ích hay lợi tức là tuỳ thuộc vào mục tiêu phân tích của doanh nghiệp, có thể là lợi nhuận, có thể là doanh thu hoặc có thể là một giá trị sản xuất công nghiệp…

Do vậy công thưc chung được sử dụng về ***tỷ lệ lợi tức trên vốn ngắn hạn = (Lợi tức/ Vốn ngắn hạn)\*100%***

Lưu ý khi phân tích chỉ tiêu này thì khoản vốn ngắn hạn phải tính bình quân để trùng khớp thời gian phân tích với lợi tức thu được.

Như đã trình bày ở trên, các chỉ tiêu về lợi tức trên vốn ngắn hạn được hình thành tuỳ thuộc vào mục tiêu của nhà phân tích, do vậy có những công thức như sau:

-*Tỷ lệ lợi tức/tài sản ngắn hạn = ( Lợi nhuận trước thuế/ Tài sản ngắn hạn bình quân)\*100%*

Chỉ tiêu này cho biết trong kỳ phân tích doanh nghiệp đầu tư 100 đồng tài sản ngắn hạn thì tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế, chỉ tiêu này càng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn càng tốt góp phần nâng cao hiệu qủa kinh doanh cho doanh nghiệp

-*Số vòng quay của tài sản ngắn hạn = Doanh thu thuần Bh&CCDV/Tài sản ngắn hạn bình quân*

Đề xác định lợi tức đầu tư, doanh nghiệp có thể dùng doanh thu để xác định, tuy nhiên doanh thu ở đây cụ thể là doanh thu liên quan đến bán hàng và cung cấp dịch vụ. Số vòng quay thể hiện tái sản ngắn hạn quay được nhiều hay ít vòng, nếu quay được ít vòng chứng tỏ việc đầu tư tài sản ngắn hạn không mang lại hiệu quả, khả năng sinh lợi giảm. Sự vận động của tài sản càng nhanh thì đây là nhân tố quan trọn góp phần nâng cao doanh thu. Doanh nghiệp có thể sử dụng từng chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn như hàng tồn kho, khoản phải thu để đánh giá hiệu quả.

Ví dụ minh hoạ: Doanh nghiệp X trong 2 năm 2017, 2018 đã phân tích và đánh giá về hoạt động sinh lời thông qua các chỉ tiêu ngắn hạn và dài hạn như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 2017 | 2018 |
| Tỷ lệ lợi tức trên tổng tài sản | 77,15% | 76,02% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản ngắn hạn | 69,11% | 61,22% |
| Số vòng quay tài sản ngắn hạn | 4,5 | 5,1 |
| Lợi tức tử HDKD/ Doanh thu | 57,9% | 58,2% |

Dựa trên những số liệu đã phân tích qua 2 năm 2017, 2018 thấy được rằng khi đầu tư vốn dài hạn và vốn ngắn hạn thì có những thay đổi theo hướng tích cực và tiêu cực tuy nhiên nhìn về mặt tỷ lệ thì ở đây không có sự thay đổi lớn. Lợi tức trên tài sản qua 2 năm có sự giảm sút từ 77,15% xuống 76,02%, tỷ lệ lợi tức trên tài sản ngắn hạn cũng có xu hướng giảm từ 69,11% xuống 61,22%. Chứng tỏ trong năm 2018 việc đầu tư tài sản và tài sản ngắn hạn vào kinh doanh chưa thật sự hiệu quả, chưa tạo ra được các khoản lợi ích khi đầu tư. Cần xem xét kỹ hơn để xác định nguyên nhân. Mặc dù có sự chênh lệch không lớn nhưng ảnh hưởng đến việc quản lý và sử dụng vốn, doanh nghiệp cần phân tích sâu hơn để xác định nguyên nhân tác động đến các chỉ tiêu này. Nếu trường hợp này kéo dài thêm, cần có biện pháp để thay đổi như tác động vào từng quá trình của doanh nghiệp từ quá trình tiêu thụ đến quá trình quản lý chi phí.

Đối với số vòng quay tài sản ngắn hạn và lợi từ từ HDKD/ Doanh thu có sự tăng lên ở năm 2018, chứng tỏ tài sản ngắn hạn quay được nhiều vòng hơn 2017, làm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng cao, lợi tức mang lại từ quá trình kiểm soát chi phí có hiệu quả làm tăng lợi tức cho hoạt động kinh doanh. Doanh thu này được xác định từ doanh thu của tất cả các hoạt động trong doanh nghiệp. Việc đầu tư cần được doanh nghiệp xem xét kỹ lưỡng hơn với các yếu tố đầu vào nhằm phát huy hơn nữa hiệu quả mang lại cho quá trình kinh doanh và sản xuất. Do vậy, nhìn vào năm 2018 có thể thấy rằng doanh nghiệp X chưa thật sự có hiệu quả trong việc thu được lợi ích từ đầu tư.

**Tài liệu tham khảo:**

1.Nguyễn Ngọc Quang (2013), *Phân tích Báo cáo tài chính,* NXB Tài chính, Đại học kinh tế quốc dân

2. Nguyễn Tấn Bình (2009), *Phân tích Quản trị tài chính*, NXB Thống kê, Hà nội

3. Học viện tài chính (2008), *Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà nội